

Thứ tư, ngày 16 tháng 6 năm 2021

Vietnam Daily Review

Áp lực bán quay trở lại

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/6/2021		•	
Tuần 14/6-18/6/2021		•	
Tháng 6/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex có phần lớn thời gian giao dịch ở trong sắc đỏ và chỉ số hiện đã dòi về sát ngưỡng 1355. Dòng tiền đầu tư tiếp tục suy giảm và chỉ còn 7/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản không chênh lệch nhiều so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể tiếp tục xuất hiện những phiên giảm điểm và trượt trở lại dưới ngưỡng 1350.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Phân tích kỹ thuật: GEG_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-10.84** điểm, đóng cửa **1356.52**. HNX-Index **-4.64** điểm, đóng cửa **313.65**.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.73)**; **VCB (+1.23)**; **BID (+0.44)**; **PLX (+0.42)**; **VCG (+0.3)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.35)**; **VHM (-2.28)**; **HPG (-1.66)**; **CTG (-1.57)**; **TCB (-1.48)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,166 tỷ đồng**, **-4.39%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 23,433 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 19.41 điểm. Thị trường có **176** mã tăng, 43 mã tham chiếu và **222** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-76.46** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MBB (-172.4 tỷ)**, **KDC (-149.7 tỷ)** và **SSI (-114.7 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-27.61** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1356.52**
Giá trị: 22166.81 tỷ **-10.84 (-0.79%)**
Khối ngoại (ròng): -76.46 tỷ

HNX-INDEX **313.65**
Giá trị: 3515.2 tỷ **-4.64 (-1.46%)**
Khối ngoại (ròng): -27.61 tỷ

UPCOM-INDEX **88.82**
Giá trị: 1547 tỷ **-0.05 (-0.06%)**
Khối ngoại (ròng): -6.83 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	72.4	0.35%
Giá vàng	1,859	0.00%
Tỷ giá USD/VND	22,999	0.21%
Tỷ giá EUR/VND	27,831	0.03%
Tỷ giá JPY/VND	20,920	0.32%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	10.87%
LS TPCP 5 năm	1.1%	-0.09%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PDR	90.5	MBB	172.4
VCB	76.3	KDC	149.7
STB	62.4	SSI	114.7
VRE	59.3	HPG	98.4
VNM	57.6	GEX	30.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 16/6

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	72.48	0.50%	3.60%	10.89%	81.38%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	74.30	0.42%	2.88%	7.46%	73.44%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	217.04	0.00%	-1.46%	2.26%	70.99%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1855.09	-0.21%	-1.77%	-0.63%	4.73%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.69	0.10%	-0.29%	-1.70%	55.54%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1380.00	0.47%	-4.71%	-1.48%	57.62%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	670.75	0.71%	-2.65%	-5.06%	27.46%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.25	0.00%	1.35%	-12.08%	6.22%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	213.57	-0.78%	-3.11%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.20	-1.09%	-3.10%	-0.17%	42.27%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	153.25	-1.89%	-4.13%	3.30%	46.51%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9569.50	-4.03%	-3.96%	-7.47%	67.05%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	800.80	-0.68%	3.13%	-10.52%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	844.51	-0.28%	2.84%	-13.27%			
Nhôm	USD/ton	2467.00	-1.08%	0.59%	0.63%	54.43%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	190.76	0.49%	8.05%	3.49%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	119.75	-1.03%	2.57%	20.47%	86.53%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu tăng gần 2% lên mức cao nhất hơn 2 năm, được thúc đẩy bởi kỳ vọng nhu cầu sẽ hồi phục trong nửa cuối năm 2021.
- Chốt phiên giao dịch ngày 15/6, dầu thô Brent tăng 1,13 USD tương đương 1,6% lên 73,99 USD/thùng, trong phiên có lúc đạt 74,07 USD/thùng – cao nhất kể từ tháng 4/2019 và dầu thô Tây Texas WTI tăng 1,24 USD tương đương 1,8% lên 72,12 USD/thùng, trong phiên có lúc đạt 72,19 USD/thùng – cao nhất kể từ tháng 10/2018.

Giá vàng

- Giá vàng giảm do đồng USD tăng và thị trường chờ đợi khả năng Cục Dự trữ Liên bang có thể nới lỏng các biện pháp kích thích.
- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0,5% xuống 1.855,99 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn New York giảm 0,5% xuống 1.856,4 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá thép cây và thép cuộn cán nóng tại Trung Quốc giảm, do nhu cầu lĩnh vực hạ nguồn suy yếu, trong khi giá nguyên liệu tăng dẫn đầu là than cốc, sau thông báo kiểm soát sản lượng tại tỉnh Sơn Đông.
- Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2021 giảm 1,5% xuống 5.168 CNY (807,44 USD)/tấn. Giá thép cuộn cán nóng giảm 1,9% xuống 5.436 CNY/tấn. Giá thép không gỉ kỳ hạn tháng 7/2021 tăng 0,5% lên 16.390 CNY/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su tại Nhật Bản giảm theo xu hướng giá cao su trên sàn Thượng Hải và thị trường hàng hóa tại Trung Quốc suy giảm.
- Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2021 trên sàn Osaka giảm 1,9 JPY tương đương 0,8% xuống 237 JPY/kg.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn ICE giảm 2,95 US cent tương đương 1,9% xuống 1,5325 USD/lb.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE giảm 0,24 US cent tương đương 1,4% xuống 17,05 US cent/lb.

	16/6	% 16/6	15/6	% 15/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1356.52	-0.79%	1367.36	0.41%	1.77%	7.77%
S&P 500			4246.59	-0.20%	0.46%	3.26%
HĐTL S&P500	4233.50	-0.07%	4236.40	-0.22%	0.58%	1.79%
Shang- hai	3518.33	-1.07%	3556.56	-0.92%	-1.73%	0.80%
Euro Stoxx	4141.43	-0.05%	4143.52	0.26%	1.09%	3.36%

Phân tích kỹ thuật
GEG_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng

Nhận định: GEG đang hình thành nhịp hồi phục sau khi tích lũy ngắn hạn tại vùng đáy 15-16. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên trong phiên giao dịch gần nhất, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng hồi phục ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu cũng đang tiến tới dài mây Ichimoku cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn sắp hình thành. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 17.0 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng giá 19.5. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 16.0.

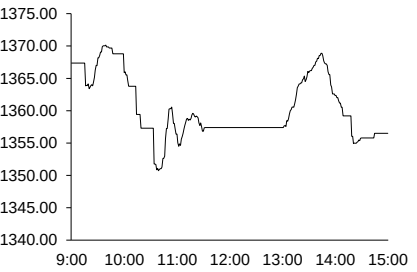
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.48%
Dầu khí	2.15%
Y tế	1.45%
Xây dựng và Vật liệu	1.32%
Truyền thông	1.06%
Hóa chất	0.80%
Ô tô và phụ tùng	0.65%
Viễn thông	0.00%
Công nghệ Thông tin	-0.13%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.44%
Thực phẩm và đồ uống	-0.52%
Bán lẻ	-0.57%
Du lịch và Giải trí	-0.74%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.02%
Ngân hàng	-1.20%
Bất động sản	-1.36%
Bảo hiểm	-1.45%
Dịch vụ tài chính	-2.17%
Tài nguyên Cơ bản	-2.35%

Hình 1

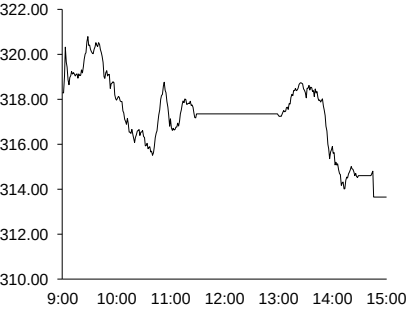
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/15/2021	BMP	60.5	67	58.5	61	1	0.83%	Có thể tiếp tục mua
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	27.4	2	1.11%	Có thể tiếp tục mua
6/11/2021	BVH	57.3	63.5	54.5	60.3	5	5.24%	Có thể tiếp tục mua
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	13.95	6	-1.76%	Có thể tiếp tục mua
6/9/2021	LCG	13.1	14.5	12.25	13.9	7	6.11%	Có thể tiếp tục mua
6/8/2021	SBT	21.2	23.5	20	21.1	8	-0.47%	Có thể tiếp tục mua
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	37.45	12	5.49%	Có thể tiếp tục mua
6/3/2021	KSB	28.85	32.5	27	30.5	13	5.72%	Có thể tiếp tục mua
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	10.4	14	0.00%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	28.4	16	2.90%	Có thể tiếp tục mua
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	39	19	4.28%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	11.6	20	1.75%	Có thể tiếp tục mua
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	56.9	27	-2.57%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/19/2021	DRC	25.83	31.37	24.72	29.2	28	13.05%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

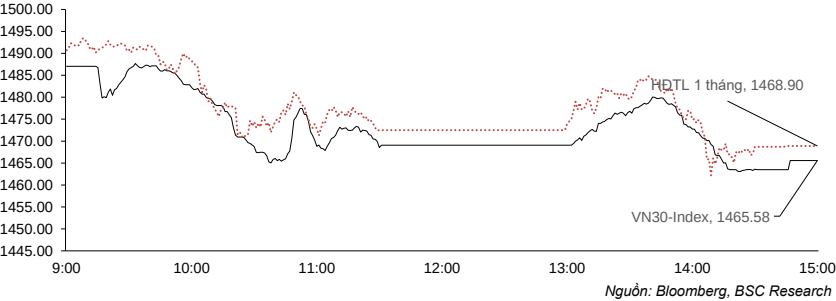
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/7/2021	D2D	54.3	60	52	SL	3	-4.24%
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	TP	6	10.07%
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	TP	15	10.13%
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	TP	13	19.10%
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	TP	17	12.45%
5/17/2021	VSC	51	57	48	TP	25	11.76%
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	TP	25	23.64%
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	TP	19	25.00%
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	TP	24	22.41%
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	TP	24	25.43%
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	FS	26	20.89%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	5	5.52%	-2.88%	2.52%	15
Cổ phiếu đã chốt	154	86	13.67%	-8.12%	5.86%	27

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2106	1468.90	-1.48%	3.32	2.4%	250,671	6/17/2021	3
VN30F2107	1470.00	-1.25%	4.42	101.1%	11,875	7/15/2021	31
VN30F2109	1462.00	-1.47%	-3.58	2.7%	76	9/16/2021	94
VN30F2112	1463.20	-0.87%	-2.38	121.3%	197	12/16/2021	185

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh –21.46 điểm xuống 1465.58 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, HPG, VIC, STB, VHM tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm tiêu cực trong phiên sáng trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên chiều giằng co quanh 1465-1475 điểm. VN30 có thể điều chỉnh giảm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2103	8/9/2021	54	2:1	143,600	37.31%	2,700	15,600	0.65%	15,278	1.02	41,900	36,500	66,800
CVRE2013	7/30/2021	44	1:1	99,200	36.03%	5,000	6,460	0.16%	5,579	1.16	32,500	27,500	32,800
CSTB2103	8/9/2021	54	2:1	191,300	46.02%	1,400	7,600	0.00%	5,665	1.34	20,800	18,000	29,200
CTCB2101	10/5/2021	111	1:1	111,300	37.56%	5,000	23,700	-1.25%	9,809	2.42	36,000	31,000	50,700
CFPT2016	6/22/2021	6	5:1	318,900	30.37%	2,580	9,300	-1.27%	6,628	1.40	54,137	43,034	83,100
CKDH2102	8/13/2021	58	2:1	98,200	32.50%	2,800	5,800	-1.36%	3,101	1.87	33,364	28,273	36,900
CVHM2104	8/9/2021	54	10:1	375,700	31.68%	1,600	3,130	-2.19%	1,372	2.28	114,000	98,000	110,000
CMBB2101	7/6/2021	20	2:1	84,100	36.38%	1,600	6,860	-2.70%	6,384	1.07	29,200	26,000	38,700
CHPG2106	8/27/2021	72	2:1	41,400	36.25%	4,100	13,600	-2.86%	2,197	6.19	42,937	36,908	51,800
CHPG2105	8/9/2021	54	2:1	75,000	36.25%	3,000	16,450	-2.95%	5,131	3.21	48,000	42,000	51,800
CHPG2103	7/6/2021	20	2:1	103,200	36.25%	3,900	14,150	-3.15%	4,959	2.85	36,614	30,879	51,800
CVHM2106	8/12/2021	57	10:1	303,200	31.68%	1,300	3,460	-3.89%	262	13.22	131,668	118,668	110,000
CMWG2013	6/30/2021	14	2:1	88,100	28.81%	12,000	24,000	-4.00%	20,587	1.17	118,339	94,672	137,000
CVHM2102	7/6/2021	20	10:1	233,600	31.68%	1,900	2,770	-4.48%	2,323	1.19	106,000	87,000	110,000
CHPG2020	6/30/2021	14	1:1	36,500	36.25%	5,700	44,000	-4.58%	25,847	1.70	23,307	19,116	51,800
CTCB2103	8/9/2021	54	2:1	150,400	37.56%	2,900	9,300	-4.62%	7,730	1.20	41,300	35,500	50,700
CTCB2012	7/30/2021	44	1:1	43,700	37.56%	5,400	29,300	-4.72%	28,826	1.02	27,400	22,000	50,700
CHPG2102	7/5/2021	19	1:1	42,100	36.25%	6,600	29,300	-5.48%	10,904	2.69	34,996	30,144	51,800
CTCB2102	7/6/2021	20	2:1	209,200	37.56%	2,300	7,750	-6.63%	7,397	1.05	40,600	36,000	50,700
CHPG2108	8/12/2021	57	5:1	165,900	36.25%	1,200	5,440	-6.69%	156	34.91	48,124	43,713	51,800
Tổng				2,771,000	35.37%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất	CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%	Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn	*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

- CVHM2101 và CMWG2103 giảm mạnh lần lượt là -9.09% và -8.41%. Giá trị giao dịch giảm -40.52%. CFPT2016 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.59% thị trường.

- CVPB2015, CVPB2103, CTCB2012, CVPB2101, và CREE2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CHPG2020, và CVPB2015 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	137.0	-0.7%	0.9	2,832	3.0	9,051	15.1	3.8	49.0%	27.2%	
PNJ	Bán lẻ	95.1	-0.9%	1.0	940	2.0	4,974	19.1	3.8	49.0%	21.0%	
BVH	Bảo hiểm	60.3	-1.5%	1.4	1,946	3.9	2,548	23.7	2.2	27.2%	9.5%	
PVI	Bảo hiểm	41.7	-4.6%	0.5	405	0.4	3,809	10.9	1.3	54.9%	12.2%	
VIC	Bất động sản	119.1	-2.1%	0.7	17,515	6.2	2,174	54.8	5.0	14.1%	9.0%	
VRE	Bất động sản	32.8	-0.2%	1.1	3,241	7.2	1,175	27.9	2.5	30.4%	9.3%	
VHM	Bất động sản	110.0	-2.3%	1.0	15,732	19.4	7,874	14.0	4.0	22.6%	33.6%	
DXG	Bất động sản	23.9	-4.4%	1.3	539	11.1	(61)		1.9	26.6%	-0.5%	
SSI	Chứng khoán	49.4	-5.0%	1.5	1,403	48.1	2,776	17.8	2.8	47.5%	16.2%	
VCI	Chứng khoán	98.5	-3.4%	1.0	713	18.9	5,703	17.3	3.3	22.1%	22.1%	
HCM	Chứng khoán	44.5	-0.9%	1.6	590	14.1	2,462	18.1	2.9	47.9%	16.4%	
FPT	Công nghệ	83.1	-0.1%	0.9	3,279	8.9	4,103	20.3	4.5	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	86.5	1.8%	0.4	1,029	0.1	5,165	16.7	5.0	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	91.9	3.6%	1.4	7,647	8.5	3,946	23.3	3.5	2.5%	14.9%	
PLX	Dầu khí	56.0	2.2%	1.5	3,028	10.1	2,915	19.2	3.0	17.1%	16.8%	
PVS	Dầu khí	29.3	2.1%	1.7	609	27.6	1,375	21.3	1.1	8.0%	5.4%	
BSR	Dầu khí	21.0	5.0%	0.8	2,831	28.9	(909)	N/A	N/A	2.1	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	95.0	-0.5%	0.3	540	0.1	5,647	16.8	3.3	54.6%	20.2%	
DPM	Hóa chất	21.3	0.0%	0.7	362	2.0	1,928	11.0	1.0	14.7%	9.4%	
DCM	Hóa chất	19.7	1.3%	0.6	453	4.4	1,122	17.6	1.6	2.4%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	104.0	1.2%	1.1	16,771	13.2	5,709	18.2	3.8	23.3%	22.8%	
BID	Ngân hàng	45.3	0.9%	1.3	7,922	8.3	2,048	22.1	2.3	16.7%	10.6%	
CTG	Ngân hàng	50.5	-3.1%	1.3	8,175	47.5	4,765	10.6	2.1	25.3%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	66.8	0.5%	1.2	7,129	70.0	4,626	14.4	2.9	15.4%	22.5%	
MBB	Ngân hàng	38.7	-1.5%	1.2	4,709	35.1	3,612	10.7	2.1	21.7%	21.6%	
ACB	Ngân hàng	34.7	-1.8%	1.0	4,076	12.5	3,194	10.9	2.5	30.0%	25.6%	
BMP	Nhựa	61.0	0.8%	0.7	217	0.6	6,160	9.9	2.1	82.6%	20.3%	
NTP	Nhựa	50.6	-2.3%	0.5	259	0.1	3,988	12.7	2.2	19.4%	17.8%	
MSR	Tài nguyên	21.5	-1.8%	0.7	1,027	0.9	39	551.3	1.7	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	51.8	-2.6%	1.1	10,074	65.6	4,056	12.8	3.5	26.2%	31.3%	
HSG	Thép	40.5	-3.2%	1.4	861	18.8	4,914	8.2	2.4	8.3%	35.0%	
VNM	Tiêu dùng	91.8	-1.2%	0.7	8,342	12.2	4,682	19.6	6.1	54.7%	31.9%	
SAB	Tiêu dùng	169.0	0.3%	0.8	4,712	1.7	7,561	22.4	5.5	62.8%	26.7%	
MSN	Tiêu dùng	104.2	-2.2%	0.9	5,348	4.7	1,281	81.3	7.6	32.8%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	21.1	2.9%	1.2	566	4.9	1,131	18.7	1.6	8.8%	8.7%	
ACV	Vận tải	72.0	-0.1%	0.8	6,815	0.3	577	124.8	4.2	3.5%	3.4%	
VJC	Vận tải	116.5	-0.4%	1.1	2,743	2.7	2,256		4.2	18.3%	8.3%	
HVN	Vận tải	27.6	-1.8%	1.7	1,699	1.5	(9,327)		27.1	9.2%	-155.4%	
GMD	Vận tải	42.2	0.1%	1.0	553	5.6	1,246	33.9	2.1	41.0%	6.2%	
PVT	Vận tải	21.0	-0.9%	1.3	296	7.2	2,281	9.2	1.4	12.9%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	104.8	1.1%	1.0	729	1.9	8,479	12.4	4.0	3.9%	39.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	29.0	-1.0%	0.4	565	0.1	1,604	18.1	2.0	6.0%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.9	4.0%	0.9	280	1.2	1,566	10.8	1.2	2.8%	11.0%	
CTD	Xây dựng	62.9	0.0%	1.0	203	1.3	3,352	18.8	0.6	44.0%	3.0%	
CII	Xây dựng	18.8	1.3%	0.5	195	2.7	56	337.9	0.9	24.4%	0.2%	
REE	Điện	56.9	0.0%	-1.4	765	1.5	5,770	9.9	1.5	49.0%	16.3%	
PC1	Điện	28.4	5.8%	-0.4	236	2.3	2,371	12.0	1.3	10.8%	13.2%	
POW	Điện	12.1	0.0%	0.6	1,227	4.6	1,037	11.6	1.0	3.1%	8.6%	
NT2	Điện	20.8	1.5%	0.5	260	0.7	1,872	11.1	1.5	14.8%	12.8%	
KBC	Khu công nghiệp	37.5	-1.1%	1.0	765	14.0	1,639	22.9	1.7	19.8%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	54.9	0%	0.9	2,471	0.0			3.5	2.0%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	91.90	3.61	1.68	2.15MLN
VCB	104.00	1.17	1.22	2.90MLN
BID	45.30	0.89	0.44	4.22MLN
PLX	56.00	2.19	0.43	4.15MLN
VCG	49.20	5.13	0.29	613600

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.41	1.18MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-2.39	4.02MLN	607060
CTG	0.00	-1.64	21.38MLN	373600
TCB	0.00	-1.54	20.58MLN	192700
HPG	0.00	-1.27	28.93MLN	611640

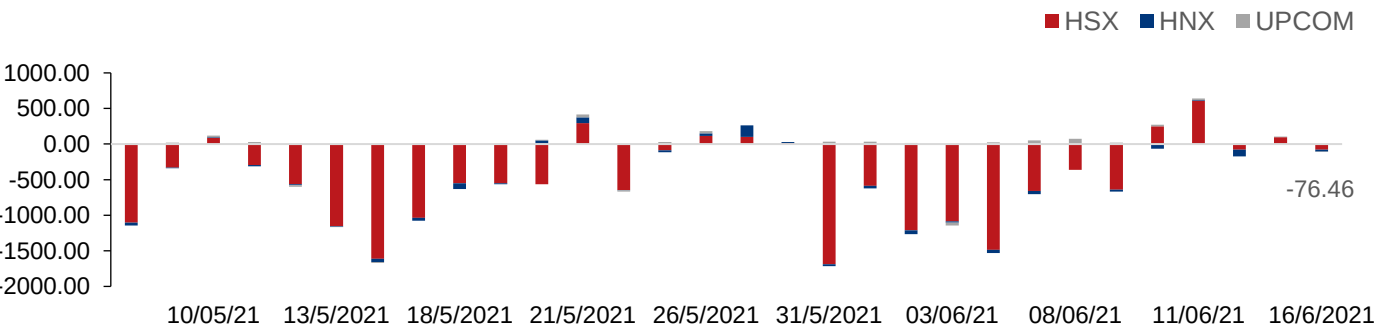
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VDS	24.50	6.99	0.04	2.49MLN
DBC	59.90	6.96	0.11	3.41MLN
GDT	55.30	6.96	0.02	309400
VMD	30.05	6.94	0.01	11700
VOS	5.26	6.91	0.01	3.83MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SCD	20.00	-6.98	0.00	42700
LGC	54.50	-6.68	-0.21	1600
SHI	26.10	-6.45	-0.05	1.05MLN
HRC	59.00	-6.35	-0.03	100
SCR	11.40	-6.17	-0.08	10.33MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	34.7	3,194	10.9	2.5	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	72.0	577	124.8	4.2	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.5	600	17.5	1.0	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.4	-363		0.9	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	29.0	3,834	7.6	1.3	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	50.5	4,765	10.6	2.1	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	19.7	1122.1	17.6	1.6	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	81.0	5,505	14.7	3.3	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	126.0	7,653	16.5	4.3	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	21.3	1,928	11.0	1.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	29.2	2,379	12.3	2.0	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	23.9	-61		1.9	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	83.1	4,103	20.3	4.5	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	32.1	1,091	29.4	2.7	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	41.9	7,082	5.9	1.9	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	51.8	4,056	12.8	3.5	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	40.5	4,914	8.2	2.4	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.9	1,566	10.8	1.2	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.4	-1,032		0.8	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	37.5	1,639	22.9	1.7	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	36.9	1,946	19.0	2.7	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	28.0			2.0	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	39.6	3,258	12.2	1.5	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	62.6	5,257	11.9	2.1	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	104.2	1,281	81.3	7.6	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	137.0	9,051	15.1	3.8	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	38.8	4,008	9.7	1.7	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.8	2,120	12.6	1.7	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	95.1	4,974	19.1	3.8	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.1	1,037	11.6	1.0	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	22.9	0	149.3	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	29.3	1,375	21.3	1.1	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	169.0	7,561	22.4	5.5	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.1	1,131	18.7	1.6	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	36.8	8272.5	4.4	1.3	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	50.7	4,074	12.4	2.3	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	104.0	5,709	18.2	3.8	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	47.1	4,166	11.3	2.5	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	17.3	570	30.4	1.4	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	45.4	3,837	11.8	1.6	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	110.0	7,874	14.0	4.0	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	91.8	4,682	19.6	6.1	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	66.8	4,626	14.4	2.9	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	32.8	1,175	27.9	2.5	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	102.6	4,060	25.3	7.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 47000 ; Giá tại Publish 39400 Định giá: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 Dự báo KQKD: BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 44600 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639